

**BÁO CÁO**

**Tổng kết 5 năm thực hiện Quyết định số 2261/QĐ-TTg, ngày 15/12/2014, của Thủ tướng Chính phủ về chương trình hỗ trợ phát triển HTX giai đoạn 2015 – 2020 và xây dựng chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 - 2025**

Thực hiện Công văn số 2531/BKHĐT-HTX, ngày 19 tháng 4 năm 2019, của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, về xây dựng Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 – 2025.

Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang báo cáo kết quả thực hiện cụ thể như sau:

**Phần I**

**TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ  
PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ GIAI ĐOẠN 2015-2020**

**I. CÔNG TÁC BAN HÀNH CÁC VĂN BẢN TRIỂN KHAI THỰC  
HIỆN CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ GIAI  
ĐOẠN 2015 - 2020**

Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chương trình số 23-CTr/TU, ngày 19-6-2012 về chương trình củng cố, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể giai đoạn 2012 – 2020; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 87/KH-UBND, ngày 21/9/2012, về việc củng cố, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể giai đoạn năm 2012 – 2015 và định hướng đến năm 2020.

Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố cụ thể hóa các chủ trương để lãnh đạo tổ chức thực hiện bằng các kế hoạch, chương trình cụ thể, trọng tâm là thực hiện chuyển đổi các hợp tác xã (HTX) hoạt động theo Luật Hợp tác xã năm 2012; Kế hoạch số 102/KH-UBND, ngày 04/11/2014, về việc hỗ trợ các nội dung của chương trình hỗ trợ phát triển HTX giai đoạn 2015 - 2020 theo Quyết định số 2261/QĐ-TTg, ngày 15/12/2014, của Thủ tướng Chính phủ; Kế hoạch số 89/KH-UBND, ngày 16/6/2017, về triển khai



thực hiện Đề án “Thí điểm hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới tại vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2016 – 2020” trên địa bàn tỉnh; Chỉ thị số 1170/CT-UBND, ngày 18/5/2018, về việc đẩy mạnh phát triển kinh tế tập thể trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Chỉ thị số 1557/CT-UBND, ngày 13/7/2018, về việc đẩy mạnh triển khai liên kết sản xuất, phát triển hợp tác xã kiểu mới, theo Luật Hợp tác xã năm 2012 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Quyết định số 880/QĐ-UBND ngày 13/4/2017, về việc ban hành Quy chế phối hợp giữa Liên minh Hợp tác xã tỉnh Kiên Giang với các sở, ban, ngành và địa phương trong công tác quản lý và định hướng phát triển hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Kiên Giang...

## **II. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ GIAI ĐOẠN 2015 - 2020**

### **1. Về thực hiện mục tiêu chung**

Việc triển khai, thực hiện các chủ trương, chính sách về phát triển kinh tế tập thể (KTĐT), trong đó phát triển hợp tác xã thời gian qua đã khẳng định được vai trò, quan điểm, đường lối của Đảng về phát triển KTĐT, HTX. Đảng và các cấp chính quyền luôn khuyến khích, tạo điều kiện thúc đẩy phát triển các HTX mới, tác động trực tiếp vào sản xuất, kinh doanh của các thành viên, tăng cường tính tự chủ, khai thác tiềm năng, lợi thế của HTX, nâng cao hơn nữa vai trò của HTX đối với sự phát triển, đảm bảo an sinh xã hội của địa phương, tăng năng lực cạnh tranh của kinh tế hộ gia đình trong điều kiện cơ chế thị trường và hội nhập quốc tế.

### **2. Về thực hiện mục tiêu giai đoạn 2015 - 2020**

Đến ngày 31/12/2018, toàn tỉnh có 2.153 tổ hợp tác (THT), giảm 11,87% so với năm 2015 (*trong đó có 1.722 tổ hợp tác được thành lập có chứng thực của UBND cấp xã*). Trong đó, tổ hợp tác nông nghiệp là 1.938, tổng số tổ viên tham gia là 45.213, với diện tích canh tác 70.813 ha, số vốn góp là 18,252 tỷ đồng. Thu nhập bình quân một tổ hợp tác 167 triệu đồng/năm.

Tính đến ngày 31/12/2018, toàn tỉnh có 400 HTX, tăng 1,53 lần so với năm 2015. Cụ thể từng lĩnh vực: Nông lâm thủy sản 352 HTX; công nghiệp tiểu thủ

công nghiệp 6 HTX; xây dựng 3 HTX; thương mại 4 HTX; vận tải 13 HTX; quỹ tín dụng 22. Tổng vốn điều lệ 126,717 tỷ đồng.

Giai đoạn 2015 – 2018 thực hiện thủ tục giải thể 30 HTX.

Số thành viên HTX là 51.179 thành viên, giảm 22,34% so với năm 2015. Trong đó, số thành viên mới là 2.084 thành viên; số lao động thường xuyên trong HTX là 8.459 thành viên, tăng 11,1% so với năm 2015. Tổng vốn hoạt động của hợp tác xã là 126,717 tỷ đồng; tổng doanh thu của HTX là 780 triệu đồng/năm, tăng 4% so với năm 2015; lợi nhuận bình quân của HTX là 403 triệu đồng/năm, tăng 3,3% so với năm 2015. Thu nhập bình quân của thành viên, lao động trong HTX đạt 50 triệu đồng/năm, tăng 16,28% so với năm 2015.

Toàn tỉnh có 156 HTX hoạt động có hiệu quả theo Luật Hợp tác xã năm 2012. Qua phân loại 292 HTX, kết quả có 156 HTX khá giỏi, chiếm tỷ lệ 53,4%; 110 HTX trung bình, chiếm 37,7%; yếu kém, không hoạt động 26 HTX, chiếm 8,9% (*không phân loại 22 quỹ tín dụng nhân dân; 59 HTX thành lập mới; 27 HTX thuộc huyện An Biên, Phú Quốc chưa tổ chức đánh giá*). So với năm 2002, HTX khá giỏi tăng từ 23% lên 53,4%; HTX trung bình giảm từ 49,5% xuống còn 37,7%; HTX yếu kém và không hoạt động giảm từ 27,5% xuống còn 8,9%.

Trong những năm qua, Tỉnh ủy và UBND tỉnh thường xuyên chỉ đạo các sở, ban ngành phối hợp với địa phương thực hiện tốt chuỗi liên kết giữa doanh nghiệp và HTX, nhằm đổi mới phương thức hoạt động kinh doanh, cũng như về mô hình hợp tác xã kiểu mới của người dân. Đến năm 2018, có 211 HTX thực hiện chuỗi liên kết thuộc các huyện Châu Thành, Giồng Riềng, Tân Hiệp, Gò Quao, An Biên, Vĩnh Thuận, Hòn Đất..., trong đó mô hình HTX thủy sản ở huyện Kiên Hải hình thành và sản xuất theo chuỗi giá trị bằng mô hình nuôi cá lồng, kết hợp với du lịch sinh thái, cung ứng dịch vụ giải trí và ăn uống cho du khách tại nhà lồng nuôi cá, đã tạo được việc làm tại chỗ cho thành viên HTX.

Phần lớn các HTX có nhu cầu vay vốn để mở rộng quy mô sản xuất, nhưng khó tiếp cận các chính sách tín dụng, do trình độ năng lực quản lý và dự án vay vốn chưa đáp ứng được quy định của các tổ chức tín dụng; hơn 80% các HTX chưa

có trụ sở riêng để làm việc. Tổng số cán bộ quản lý 1.600 người; tổng số lao động làm việc thường xuyên tại HTX, được trả lương 8.459 người, tăng 11,1% so với năm 2015. Một số HTX xã chưa thực hiện chặt chẽ trong công tác tổ chức và quản lý như: Chứng từ thanh toán, hợp đồng mua bán, dịch vụ; báo cáo tình hình hoạt động hằng năm theo quy định...

Các HTX đã có nhiều đóng góp quan trọng đối với phong trào xây dựng nông thôn mới; trong 19 tiêu chí, HTX đã tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp 9 tiêu chí, đã tạo việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân và làm nòng cốt trong giảm nghèo ở địa phương; với các loại hình dịch vụ đa dạng có tác dụng thúc đẩy sản xuất, kinh doanh phát triển; các HTX đã phát huy vai trò tập hợp, vận động bà con nông dân thay đổi tập quán sản xuất, mạnh dạn ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, nâng cao hiệu quả sản xuất, thu nhập, ổn định đời sống.

3. Tổng kết, đánh giá thực hiện các nội dung của Quyết định số 2261/QĐ-TTg, ngày 15/12/2014, của Thủ tướng Chính phủ

3.1. Về hỗ trợ chung đối với các hợp tác xã

a) Về bồi dưỡng nguồn nhân lực

Trong thời gian qua, công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý HTX đã được các cấp ủy đảng, chính quyền từ tỉnh đến cơ sở quan tâm và tạo điều kiện thuận lợi. Hằng năm, tỉnh đã chỉ đạo các cấp, các ngành xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý HTX và cấp kinh phí đào tạo và bồi dưỡng. Ngoài ra, các HTX cũng cử cán bộ tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng, đào tạo. Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ chủ chốt và thành viên HTX, cán bộ quản lý nhà nước về HTX, kỹ năng lập kế hoạch kinh doanh, quản trị sản xuất trong HTX, quản trị nhân lực HTX, nâng cao năng lực lãnh đạo, bồi dưỡng kế toán HTX... Giai đoạn 2015 – 2018 đã tổ chức bồi dưỡng kiến thức cho 7.863 cán bộ quản lý HTX, các chức danh là thành viên hội đồng quản trị (HDQT), giám đốc, kế toán, về Luật Hợp tác xã năm 2012, kỹ năng quản lý HTX, soạn thảo hợp đồng kinh tế, xây dựng chuỗi giá trị sản phẩm, xây dựng

thương hiệu, thiết kế mẫu bao bì, hội nhập kinh tế quốc tế... Tổng kinh phí hỗ trợ 1,358 tỷ đồng.

*b) Về xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường*

Bằng nhiều hình thức đã hỗ trợ xúc tiến thương mại, cung cấp thông tin, tìm kiếm thị trường cho các tổ hợp tác, HTX. Thực hiện rộng rãi việc ký kết hợp đồng trực tiếp giữa doanh nghiệp chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông sản với nông dân qua các HTX. Các doanh nghiệp cung ứng vật tư, phân bón..., hướng dẫn quy trình kỹ thuật và thu mua sản phẩm cho HTX theo các hợp đồng dài hạn đối với những sản phẩm có lợi thế của tỉnh. Đến nay, có 211 HTX nông nghiệp trồng lúa, tổng diện tích 36.573 ha hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm với Công ty TNHH Trung An; Công ty Cổ phần Nông sản VINACAM; Công ty Nông Việt Pháp; Công ty Vinh Phát; Công ty TNHH Nông sản Ngôi Sao Liên Minh và Công ty Vạn Trường Phát...

*c) Về ứng dụng khoa học, kỹ thuật và công nghệ mới*

Xây dựng nhiều chương trình hỗ trợ các tổ chức kinh tế tập thể ứng dụng các thành tựu khoa học - công nghệ, nhất là giống, công nghệ sinh học, công nghệ bảo quản, chế biến..., thông qua hoạt động của hệ thống khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, khuyến công. Chú trọng xây dựng các quy trình sản xuất đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật như VietGap, GlobalGap... Quan tâm công tác phối hợp với các viện, trường, xây dựng và triển khai nghiên cứu ứng dụng khoa học - công nghệ mới; tăng cường tạo lập, quản lý và phát triển nhãn hiệu nông sản của các HTX nhằm nâng cao sức cạnh tranh, chất lượng nông sản, giảm giá thành sản xuất. Đến nay, đã hỗ trợ 05 HTX, tổ hợp tác ứng dụng khoa học, kỹ thuật công nghệ mới với kinh phí là 1,9 tỷ đồng và 34 nhãn hiệu tập thể được hỗ trợ đăng ký xác lập quyền sở hữu.

*d) Về thành lập mới, tổ chức lại hoạt động của hợp tác xã*

Nhằm tạo điều kiện và đẩy mạnh việc củng cố, phát triển kinh tế tập thể, các HTX thành lập mới và chuyển đổi theo quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012



đều được hỗ trợ kinh phí từ ngân sách tỉnh, đến nay đã hỗ trợ kinh phí thành lập mới 410 HTX trên các lĩnh vực, bình quân 07 triệu đồng/HTX, hỗ trợ kinh phí thành lập 1.228 tổ hợp tác, bình quân 400.000 đồng/THT.

### 3.2. Về hỗ trợ đối với các hợp tác xã nông, lâm, ngư, diêm nghiệp

#### a) Hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng

Căn cứ vào Quyết định số 2261/QĐ-TTg, ngày 15/12/2014, và Thông tư số 15/2016/TT-BNNPTNT, ngày 10/6/2016, của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, về việc hướng dẫn điều kiện và tiêu chí thụ hưởng hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đối với hợp tác xã nông nghiệp. UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 102/KH-UBND, ngày 04/11/2014, về việc hỗ trợ các nội dung của Chương trình hỗ trợ phát triển HTX giai đoạn 2015 - 2020 theo Quyết định số 2261/QĐ-TTg, của Thủ tướng Chính phủ. Đến nay ngân sách Trung ương vẫn chưa có kinh phí để hỗ trợ theo kế hoạch. Tuy nhiên thời gian qua các HTX đã được các sở, ban, ngành và địa phương quan tâm đầu tư hỗ trợ như:

Dự án VnSAT tỉnh và địa phương triển khai, thực hiện ở 8 huyện, thành phố gồm: Tân Hiệp, Giồng Riềng, Châu Thành, Hòn Đất, Giang Thành, Gò Quao, U Minh Thượng và thành phố Rạch Giá. Giai đoạn 1 đã triển khai thực hiện ở 5 HTX với tổng kinh phí hỗ trợ khoảng 34,3 tỷ đồng; Dự án VnSAT đầu tư giai đoạn 2 tiếp tục đầu tư thêm cho 6 HTX dự kiến khoảng 8 tỷ đồng/HTX.

Hỗ trợ chương trình đầu tư, hạ thế điện phục vụ bơm tát cho THT, HTX và cánh đồng lớn đầu tư từ nguồn vốn hỗ trợ sản xuất lúa theo Nghị định số 35/2015/NĐ-CP, ngày 14/4/2015, của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa. Tổng vốn đầu tư 190 tỷ đồng, diện tích được bơm tát khoảng 64.000 ha cho 176 HTX và 302 THT.

b) *Hỗ trợ vốn, giống khi gặp khó khăn, thiên tai, dịch bệnh*: Thời gian qua tỉnh đã hỗ trợ nông dân, hợp tác xã sản xuất lúa, rau màu vụ Hè Thu và Thu Đông năm 2015, vụ mùa và Đông Xuân 2015 – 2016 bị thiệt hại do hạn mặn và ngập úng với số tiền là 463,58 tỷ đồng cho 47.531 hộ, diện tích 86.233,70 ha.

### *c) Hỗ trợ chế biến sản phẩm*

Thực hiện chủ trương liên kết sản xuất và tiêu thụ thóc, gạo theo Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg, ngày 25/10/2013, của Thủ tướng Chính phủ, về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn (*nay là Nghị định số 98/2018/NĐ-CP, ngày 05/7/2018, của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp*), đến nay đã có 19 doanh nghiệp xuất khẩu trong và ngoài tỉnh tham gia thực hiện hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa với 358 HTX nông nghiệp (trong đó năm 2017: 147 HTX; năm 2018: 211 HTX).

Thực hiện theo Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg, ngày 14 tháng 11 năm 2013, của Thủ tướng Chính phủ, về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp. Đến cuối năm 2018 đã giải ngân cho 1.274 hộ vay để mua 1.274 máy móc, thiết bị các loại với số tiền 733,76 tỷ đồng. Tuy nhiên, các HTX chưa tiếp cận được do không có tài sản thế chấp.

## **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

### **1. Kết quả đạt được**

Một số chính sách của nhà nước về đào tạo cán bộ, hỗ trợ chuyển đổi, thành lập mới THT, HTX, chính sách về đầu tư, ứng dụng và chuyển giao khoa học và công nghệ..., đã tạo điều kiện, nguồn lực cho kinh tế tập thể phát triển. Nhiều HTX đã ứng dụng có hiệu quả các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất, kinh doanh; HTX thực hiện liên kết chuỗi sản xuất, áp dụng các quy phạm thực hành tốt theo tiêu chuẩn VietGap. Đến nay, kinh tế tập thể đã phát huy hiệu quả, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, nhất là sản xuất nông nghiệp; huy động được các nguồn lực xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn, xây dựng nông thôn mới, góp phần giảm nghèo, nâng cao đời sống của nhân dân; xây dựng tình đoàn kết tương trợ lẫn nhau, giữ vững an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội, xây dựng và củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh.

### **2. Những hạn chế, yếu kém**

- Cơ chế chính sách hỗ trợ thúc đẩy HTX còn khó tiếp cận và thiếu nguồn lực hỗ trợ;

- Trình độ quản lý, năng lực quản trị và khả năng tài chính, công nghệ, kỹ thuật của HTX nhìn chung còn yếu; quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh của các loại hình kinh tế tập thể còn nhỏ lẻ, sức cạnh tranh thấp, các sản phẩm tạo ra hầu hết chưa có nhãn hiệu, thương hiệu. Chưa thực hiện tốt việc cung cấp dịch vụ cho kinh tế hộ xã viên. Phần lớn cán bộ kỹ thuật, chuyên môn nghiệp vụ của HTX và cán bộ quản lý nhà nước phụ trách lĩnh vực kinh tế hợp tác chưa qua đào tạo cơ bản, chưa nắm chắc kiến thức về kinh tế tập thể; từ đó, tổ chức và triển khai thực hiện nhiệm vụ chưa đạt yêu cầu.

- Việc thực hiện chuyển đổi hoạt động theo Luật Hợp tác xã năm 2012, của các HTX còn chậm. Nhiều HTX thiếu chiến lược kinh doanh, kế hoạch, phương án sản xuất kinh doanh, nên khó tiếp cận các nguồn vốn từ các tổ chức tín dụng. Việc liên doanh, liên kết trong hoạt động sản xuất kinh doanh và tham gia phát triển cộng đồng nhiều nơi chưa thực hiện tốt. Hiệu quả kinh tế, thu nhập của xã viên không cao.

- Nhận thức và trách nhiệm của các thành viên HTX còn hạn chế, còn tư tưởng sản xuất nhỏ, tự cung tự cấp, còn hoài nghi về hiệu quả của mô hình HTX. Nguồn lực của HTX còn hạn chế (*vốn điều lệ trung bình một HTX là 317 triệu đồng*), trong khi việc huy động các nguồn lực từ xã viên để đầu tư sản xuất kinh doanh chưa nhiều, còn tư tưởng trông chờ sự hỗ trợ, cho vay của Nhà nước.

## **Phần II**

### **CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

#### **I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH TRONG NƯỚC, KHU VỰC VÀ THẾ GIỚI TRONG GIAI ĐOẠN TỚI**

##### **1. Bối cảnh trong nước và thế giới**

##### **1.1. Bối cảnh trong nước**



Trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang diễn ra mạnh mẽ, khu vực KTTT, HTX có nhiều cơ hội phát triển, song cũng đối diện với nhiều thách thức đòi hỏi nhà nước, cũng như cộng đồng HTX phải có một tư duy mới, cách nhìn mới và có các giải pháp nhằm phát triển HTX một cách bền vững. Trong đó, việc phát triển của khu vực HTX phải dựa trên các giá trị cốt lõi.

Phát triển nền KTTT, trong đó chú trọng phát triển HTX là một trong những chủ trương của Đảng và nhà nước, rất quan tâm trong thời gian qua. Sự phát triển của phong trào HTX hội tụ nhiều lợi ích, đáp ứng các nhu cầu về kinh tế, xã hội và văn hóa của thành viên, tiết kiệm chi phí, gia tăng giá trị và nâng cao sức cạnh tranh cho sản phẩm làm ra và tạo việc làm ổn định nhằm huy động các nguồn lực thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu và phát triển kinh tế, đồng thời đóng góp lớn trong xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế – xã hội, nhất là ở khu vực nông thôn.

## 1.2. Bối cảnh thế giới

Trước sự bủa vây của thực phẩm kém chất lượng, hàng giả tràn lan thì người tiêu dùng trên thế giới đang ngày càng có sự lựa chọn khắt khe hơn, đồng thời tìm đến những sản phẩm đạt chứng nhận an toàn được các cơ quan chức năng hoặc tổ chức uy tín kiểm định.

Thực tiễn phát triển, cũng như nhiều nghiên cứu gần đây trên thế giới về HTX trong thời đại công nghệ 4.0 và trong thời đại toàn cầu hóa không những không giảm đi, ngược lại còn tăng lên. Khu vực này một mặt cần phải tự thay đổi để thích nghi với điều kiện mới, mặt khác cần đảm nhận thêm các chức năng mới trong một nền kinh tế và một xã hội toàn cầu hóa không chỉ có cơ hội mà còn có nhiều thách thức mới, to lớn, nhất là về mặt xã hội và môi trường.

## 2. Xu hướng hợp tác, liên kết trong sản xuất, thương mại

Việc liên kết sản xuất, tiêu thụ đang mang lại nhiều lợi ích thiết thực cho các HTX. Không chỉ mang lại giá trị kinh tế lớn hơn, cùng ứng dụng công nghệ cao, liên kết sản xuất, tiêu thụ được xem là khâu hết sức quan trọng trong nỗ lực tạo ra chuỗi giá trị hàng hóa nông sản an toàn và bền vững. Điều quan trọng nhất, là giúp



giải bài toán “Được mùa mất giá” và ngược lại, từng khiến nhiều HTX, tổ hợp tác rất “Đau đầu” trong suốt thời gian dài qua. Qua đó, tạo chuyển biến tích cực trong nhận thức của người sản xuất, góp phần thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của các HTX trong bối cảnh cạnh tranh thị trường ngày một lớn hiện nay.

Trong thời gian tới, tiếp tục hỗ trợ các HTX trong ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất. Tư vấn, hướng dẫn các HTX đăng ký nhãn hiệu, thương hiệu sản phẩm. Đây được xem là khâu rất quan trọng nhằm tạo điều kiện thuận lợi để các HTX có được “Giấy thông hành” trong việc tăng cường liên kết các tổ chức, doanh nghiệp trong sản xuất, tiêu thụ. Qua đó, thúc đẩy chuỗi giá trị nông sản an toàn và bền vững cho các HTX trên địa bàn.

## **II. QUAN ĐIỂM**

Nhiều năm qua, cùng với các thành phần kinh tế khác, kinh tế tập thể, trong đó nòng cốt là HTX đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế và ổn định an sinh xã hội. Mặc dù đã phát huy những hiệu quả tích cực; tuy nhiên, các HTX vẫn gặp nhiều khó khăn trong hoạt động. Vì vậy, đòi hỏi các HTX cần phải liên kết sản xuất, tập trung với quy mô lớn, ứng dụng công nghệ quản lý hiện đại và các quy trình sản xuất công nghệ cao; thay đổi thói quen sản xuất tự phát để chuyển sang sản xuất theo hợp đồng, liên kết; trong đó, người nông dân và các HTX cần nâng cao nhận thức về quyền và trách nhiệm trong thực thi các hợp đồng kinh tế, tránh tình trạng khi giá nông sản cao thì trì hoãn, né tránh thực hiện hợp đồng còn khi giá nông sản thấp thì hời hợt đối tác để thanh lý hợp đồng.

## **III. MỤC TIÊU**

### **1. Mục tiêu tổng quát về phát triển hợp tác xã**

Tiếp tục phát triển kinh tế tập thể với nhiều hình thức, loại hình, quy mô và trình độ khác nhau trong các ngành, các lĩnh vực. Tập trung chỉ đạo củng cố tổ chức, đổi mới nội dung phương thức hoạt động của các HTX, bảo đảm nguyên tắc tự nguyện cùng có lợi. Tập trung phát triển lực lượng sản xuất trong các HTX nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, khai thác tốt hơn các tiềm năng lợi thế của địa

phương. Tạo sự chuyển biến tích cực trong kinh tế tập thể, góp phần xây dựng nông thôn mới, xoá đói giảm nghèo, cải thiện đời sống của xã viên và cộng đồng dân cư.

Phát triển kinh tế tập thể để hỗ trợ đắc lực cho kinh tế hộ, kinh tế trang trại phát triển, giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho thành viên và người lao động; chủ động mở rộng các hình thức liên doanh, liên kết với các loại hình kinh tế khác.

## 2. Mục tiêu cụ thể tới năm 2025

Tổng số hợp tác xã 105;

Tổng số thành viên hợp tác xã 55.475;

Tổng số lao động làm việc trong hợp tác xã 9.419;

Doanh thu bình quân của hợp tác xã 840 triệu/đồng;

Thu nhập bình quân của thành viên hợp tác xã 72 triệu đồng/năm;

Thu nhập bình quân của lao động trong hợp tác xã 60 triệu đồng/năm.

## **IV. ĐỀ XUẤT CÁC NỘI DUNG HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

Cần có cơ chế quy định cụ thể bố trí kinh phí đảm bảo thực hiện các chính sách do Chính phủ, Bộ ngành Trung ương đã quy định, tránh tình trạng chính sách có, nhưng kinh phí không có dẫn đến khó triển khai thực hiện;

Xem xét ban hành mới hoặc điều chỉnh bổ sung các cơ chế, chính sách theo hướng: Cần có chính sách cụ thể cho kinh tế tập thể, HTX về ứng dụng khoa học công nghệ, xúc tiến thương mại, đầu tư cơ sở hạ tầng HTX; có quy định cụ thể hóa đối với cho thuê đất, giao đất công cho HTX, nhất là HTX nông nghiệp; quy định cụ thể về chính sách thuế đối với HTX; tiếp tục triển khai có hiệu quả chính sách hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực cho HTX (*đặc biệt là chính sách thu hút đưa cán bộ trẻ tốt nghiệp đại học, cao đẳng về làm việc có thời hạn ở HTX*).

Trên đây là báo cáo kết quả 5 năm thực hiện Quyết định số 2261/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang./. *KG*

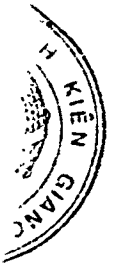
**Nơi nhận:**

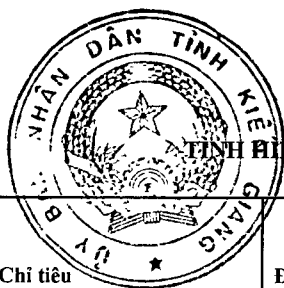
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- TT.TU;
- TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở: Các sở ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Liên Minh HTX tỉnh;
- LĐVP, CVNC;
- Lưu VT, nhsuong;

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Thị Minh Phụng**





**Phụ lục 1**  
**TỈNH BÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ NĂM 2015-2020 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2021-2025**

(Kèm theo Báo cáo số 155/BC-UBND ngày 03/ 5. /2019 của UBND tỉnh Kiên Giang)

STT	Chi tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện					Kế hoạch						
			Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Ước thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Kế hoạch năm 2025	
<b>I</b>	<b>Hợp tác xã</b>													
1	Tỷ trọng đóng góp vào GDP	%												
2	Tổng số hợp tác xã	HTX	261	289	347	400	430	445	460	475	490	505	520	
	<i>Trong đó</i>													
	Số hợp tác xã đang hoạt động	HTX	261	289	347	400	430	445	460	475	490	505	520	
	Số hợp tác xã ngừng hoạt động	HTX												
	Số hợp tác xã thành lập mới	HTX	35	44	60	59	30	15	15	15	15	15	15	
	Số hợp tác xã giải thể	HTX	6	16	2	6								
3	Tổng số thành viên HTX	Người	63,706	43,991	47,319	49,475	50,975	51,725	52,475	53,225	53,975	54,725	55,475	
	<i>Trong đó:</i>													
	Số thành viên mới	Thành viên	2,511	2,800	3,028	2,084	1,500	750	750	750	750	750	750	
	Số thành viên ra khỏi HTX	Thành viên	310	780	92	292								
4	Tổng số lao động thường xuyên trong HTX	Thành viên	76,097	47,602	29,827	8,459	8,699	8,819	8,939	9,059	9,179	9,299	9,419	
	<i>Trong đó:</i>													
	Số lao động thường xuyên mới	Người	280	352	480	472	240	120	120	120	120	120	120	
	Số lao động là thành viên HTX	Người	76,097	47,602	29,827	8,459	8,699	8,819	8,939	9,059	9,179	9,299	9,419	
5	Doanh thu bình quân HTX	Tr đồng/năm	750	760	770	780	790	800	810	820	820	830	840	
	<i>Trong đó</i>													
	Doanh thu của HTX với thành viên	Tr đồng/năm	510	517	524	530	537	544	551	558	558	564	571	
6	Lãi bình quân HTX	Tr đồng/năm	390	393	398	403	419	424	429	435	435	440	445	
7	Thu nhập bình quân của lao động thường xuyên trong HTX	Tr đồng/năm	43	45	47	50	52	54	56	58	58	59	60	
8	Tổng số cán bộ quản lý HTX	Người	1,122	1,156	1,388	1,600	1,750	1,825	1,900	1,975	2,050	2,125	2,200	
	<i>Trong đó</i>													
	Số cán bộ quản lý HTX đã qua đào tạo đạt trình độ sơ, trung cấp	Người	380	419	503	580	624	645	667	689	711	732	754	
	Số cán bộ quản lý HTX đã qua đào tạo đạt trình độ cao đẳng, đại học trở lên	Người	56	62	74	85	92	95	98	101	104	108	111	
<b>II</b>	<b>Tổ hợp tác</b>													
1	Tổng số THT		2,443	2,216	1,994	2,153	2,233	2,313	2,363	2,413	2,463	2,513	2,563	



STT	Đơn vị tính	Thực hiện						Kế hoạch					
		Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Ước thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Kế hoạch năm 2025	
	<i>Trong đó:</i>												
	Số THT thành lập mới	119	83	107	242	80	80	50	50	50	50	50	50
	Số THT có đăng ký hoạt động với chính quyền xã/phường/thị trấn	1,954	1,773	1,595	1,722	1,786	1,850	1,890	1,930	1,970	2,010	2,050	2,050
2	Tổng số thành viên THT	53,294	48,911	43,868	45,213	46,973	48,733	49,833	50,933	52,033	53,133	54,233	54,233
	<i>Trong đó:</i>												
	Số thành viên mới thu hút	2,369	1,826	2,247	5,324	1,760	1,760	1,100	1,100	1,100	1,100	1,100	1,100
3	Doanh thu bình quân một THT	160	162	165	167	169	171	173	175	177	179	181	181
4	Lãi bình quân một THT	20	21	23	25	27	29	31	33	35	37	40	40

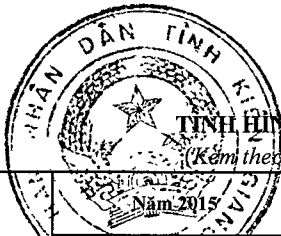


Phụ lục 2

**SỐ LƯỢNG HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ, TỔ HỢP TÁC PHÂN LOẠI  
THEO NGÀNH NGHỀ NĂM 2015-2020 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2021-2025**

(Kèm theo Báo cáo số 155/BC-UBND ngày 03/6/2019 của UBND tỉnh Kiên Giang)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện					Kế hoạch					
			Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Ước thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Kế hoạch năm 2025
<b>1</b>	<b>HỢP TÁC XÃ</b>												
	Tổng số HTX	HTX	261	289	347	400	430	445	460	475	490	505	520
	<i>Chia ra:</i>												
	HTX nông-lâm-ngư-diêm nghiệp	HTX	219	244	299	352	380	393	406	419	432	445	458
	HTX công nghiệp-tiểu thủ công nghiệp	HTX	5	5	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	HTX xây dựng	HTX	5	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
	HTX tín dụng	HTX	22	22	22	22	22	22	22	22	22	22	22
	HTX thương mại	HTX	1	1	5	4	5	6	7	8	9	10	11
	HTX vận tải	HTX	8	13	13	13	13	13	13	13	13	13	13
	HTX khác	HTX	1	1									
<b>2</b>	<b>TỔ HỢP TÁC</b>												
	Tổng số THT	THT	2,443	2,216	1,994	2,153	2,233	2,313	2,363	2,413	2,463	2,513	2,563
	<i>Chia ra:</i>												
	THT nông-lâm-ngư-diêm nghiệp	THT	2,199	1,994	1,795	1,938	2,010	2,082	2,127	2,172	2,217	2,262	2,307
	THT công nghiệp-tiểu thủ công nghiệp	THT	127	115	107	112	123	127	130	133	135	138	141
	THT xây dựng	THT											
	THT tín dụng	THT											
	THT thương mại	THT											
	THT vận tải	THT											
	THT khác	THT	117	107	92	103	100	104	106	109	111	113	115



Phụ lục 3

**TÌNH HÌNH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ GIAI ĐOẠN 2015-2020**

(Kèm theo Báo cáo số 155/BC-UBND ngày 03/10/2019 của UBND tỉnh Kiên Giang)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2015			Năm 2016			Năm 2017			Năm 2018			Năm 2019			Ước thực hiện năm 2020		
			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
				CTMT QG XD Nông thôn mới	Nguồn vốn khác		CTMT QG XD Nông thôn mới	Nguồn vốn khác		CTMT QG XD Nông thôn mới	Nguồn vốn khác		CTMT QG XD Nông thôn mới	Nguồn vốn khác		CTMT QG XD Nông thôn mới	Nguồn vốn khác		CTMT QG XD Nông thôn mới	Nguồn vốn khác
<b>I</b>	<b>HỖ TRỢ CHUNG ĐỐI VỚI CÁC HTX</b>																			
<b>1</b>	<b>Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, thí điểm đưa cán bộ trẻ tốt nghiệp đại học, cao đẳng về làm việc có thời hạn ở HTX</b>																			
	-Số người được cử đi đào tạo	Người			83			72		72	56		56							
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng			439		439	195		195	197		197							
	<i>Trong đó:</i>																			
	Ngân sách Trung Ương	Tr đồng																		
	Ngân sách địa phương	Tr đồng			439		439	195		195	197		197							
	-Số người tham gia bồi dưỡng	Người	2,778		2,500			834	650	184	1,579	1,322	336	1,657	1,500	157	1,720			
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng	282		282	422		1704 76	949 76	755	1,447	1,343	104	1,700	1500	200	800	500	300	
	<i>Trong đó:</i>																			
	Ngân sách Trung Ương	Tr đồng						949 76	949 76		1,343	1,343		1500	1500		500	500		
	Ngân sách địa phương	Tr đồng	282		282	422		755		755	104		104	200		200	300		300	
	-Thí điểm số cán bộ trẻ tốt nghiệp đại học, cao đẳng về làm việc có thời hạn ở HTX	Người												14			14			
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng	282		282	861		1899 76		950	1,644	1,343	104	1700	1500	200	800	500	300	
	<i>Trong đó:</i>																			
	Ngân sách Trung Ương	Tr đồng						949 76	949 76		1,343	1,343		1500	1500		500	500		
	Ngân sách địa phương	Tr đồng	282		282	861		950		950	301		104	200		200	300		300	
<b>2</b>	<b>Hỗ trợ về xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường</b>																			
	-Số HTX được hỗ trợ	HTX												6			20			
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng												70		70	200		200	
	<i>Trong đó:</i>																			







STT		Năm 2015			Năm 2016			Năm 2017			Năm 2018			Năm 2019			Ước thực hiện năm 2020		
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
			CTMT QG XD Nông thôn mới	Nguồn vốn khác		CTMT QG XD Nông thôn mới	Nguồn vốn khác		CTMT QG XD Nông thôn mới	Nguồn vốn khác		CTMT QG XD Nông thôn mới	Nguồn vốn khác		CTMT QG XD Nông thôn mới	Nguồn vốn khác		CTMT QG XD Nông thôn mới	Nguồn vốn khác
2	<b>Hỗ trợ giao đất, cho thuê đất</b>																		
	-Số HTX được hỗ trợ giao đất	HTX																	
	Tổng diện tích đất được giao	m2																	
	-Số HTX được hỗ trợ thuê đất	HTX																	
	Tổng diện tích đất được cho thuê	m2																	
3	<b>Ưu đãi về tín dụng</b>																		
	-Số HTX được hỗ trợ	HTX																	
	Tổng số vốn được vay ưu đãi	Trđồng																	
4	<b>Hỗ trợ vốn, giống khi gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh</b>																		
	-Số HTX được hỗ trợ	HTX																	
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Trđồng																	
	<i>Trong đó:</i>																		
	Ngân sách Trung Ương	Trđồng																	
	Ngân sách địa phương	Trđồng																	
5	<b>Hỗ trợ về chế biến sản phẩm</b>																		
	-Số HTX được hỗ trợ	HTX																	
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Trđồng																	
	<i>Trong đó:</i>																		
	Ngân sách Trung Ương	Trđồng																	
	Ngân sách địa phương	Trđồng																	





